Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 19.05.2020 14:01:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên giải trình ngày 01/10/2019

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Thông báo số 52/TB-HĐND ngày 18/10/2019 về kết luận phiên giải trình của Thường trực HĐND tỉnh ngày 01/10/2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

1. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

a) Về tình trạng chậm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cấp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND các huyện, thị xã, thành phố. Quá trình thực hiện ở địa phương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn UBND cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường đẩy mạnh việc thực hiện cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định, đến nay tổng số giấy chứng nhận đã cấp lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân *(lũy kế đến ngày 29/4/2020)* là 1.240.893 GCN, tăng 3.887 giấy *(so với thời điểm trả lời chất vấn và báo cáo số 4291/STNMT-VPĐK ngày 20/9/2019).*

Nhìn chung đến nay, các địa phương đã cơ bản hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho Nhân dân, trong đó số lượng hồ sơ chưa cấp được chủ yếu vướng về quy định của pháp luật và quan hệ dân sự giữa các bên có liên quan.

- Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các khu tái định cư *(trước thời điểm Thông báo số 52/TB-HĐND ngày 18/10/2019 của HĐND tỉnh)* thì số hộ đã được cấp giấy chứng nhận là 1.193 hộ, đến nay đã cấp giấy chứng nhận cho 130 hộ, nâng tổng số hộ được cấp tại các khu tái định cư là 1.323 hộ.

Để việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt theo yêu cầu quản lý nhà nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố rà soát, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã, phường, thị trấn để giải quyết theo đúng quy định.

b) Đối với tình trạng giấy chứng nhận đã giải quyết xong nhưng chưa trao cho người dân

- Đối với các huyện thực hiện dự án VLAP:

Dự án VLAP triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Trà Bồng, Lý Sơn, dự án đã kết thúc vào năm 2014. Tuy nhiên, sau khi kết thúc còn lại một số giấy chứng nhận người dân chưa nhận *(tính đến trước thời điểm Thông báo số 52/TB-HĐND ngày 18/10/2019 của HĐND tỉnh)* còn: 4.490 giấy.

Trên cơ sở các giải pháp đã trình bày tại phiên chất vấn, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và phối hợp với địa phương, tổ dân phố để tiếp tục trao giấy cho người dân. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nông nghiệp, các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đã đưa vào lưu trữ theo quy định; đồng thời tiếp tục thông báo cho người dân biết để nhận. Đến nay số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại chưa trao là 1.685 giấy, trong đó đa số thuộc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc giấy chứng nhận đang được người dân thế chấp tại các Ngân hàng.

Trong thời gian đến, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh các huyện, thành phố phối hợp với địa phương, các Ngân hàng để trao cho người dân sau khi hết thời gian vay vốn.

- Đối với Dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính tại 20 xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi và 11 xã của huyện Sơn Tịnh.

+ Dự án 20 xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi: Dự án đã kết thúc ngày 30/6/2019, với kết quả đạt được, như sau:

Về công tác đo đạc, thành lập bản đồ địa chính: Nghiệm thu hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000 trên địa bàn 20 xã, phường, với tổng diện tích: 13.582,10 ha.

Về công tác đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất: Nghiệm thu hoàn thành công đoạn cấp GCNQSD đất: 117.140 GCN (Trong đó: cấp mới: 11.096 GCN; cấp đổi: 106.044 GCN).

+ Dự án 11 xã thuộc huyện Sơn Tịnh:

Về công tác đo đạc, thành lập bản đồ địa chính: Đã nghiệm thu hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, 1/2000 trên địa bàn 11 xã thuộc huyện Sơn Tịnh, với tổng diện tích: 24.386 ha.

Về công tác đăng ký đất đai, xét duyệt và thẩm tra hồ sơ cấp GCN: Đã kê khai đăng ký: 193.229 thửa/232.305 thửa cần kê khai; UBND xã đã xét

duyệt hồ sơ: 133.609 thửa/157.305 thửa đã kê khai thuộc diện cấp GCN (trong đó: cấp mới: 21.038 thửa; cấp đổi: 94.155 thửa); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Sơn Tịnh đã thẩm tra 35.296 thửa/39.291thửa đã tiếp nhận.

Trong quá trình thực hiện dự án đã gặp không ít khó khăn, vướng mắc và đến nay vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, như: trường hợp người dân tự chuyển nhượng, không làm thủ tục theo quy định nên địa phương không xác định được cụ thể người đang sử dụng đất; một số người dân có quan điểm đã có giấy chứng nhận cũ nên không cần thiết phải cấp lại giấy chứng nhận mới, do đó hiện nay vẫn còn một số thửa đất chưa được kê khai đăng ký để cấp đổi lại...; một số cơ quan chuyên môn của huyện và chính quyền cấp xã có quan điểm chưa nhất quán trong việc xét duyệt, xác nhận vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận của công dân dẫn đến có một số trường hợp người dân đã kê khai đăng ký nhưng không được cấp giấy.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Sơn Tịnh, UBND các xã thuộc huyện Sơn Tịnh và các cơ quan liên quan tiếp tục thực hiện các hạng mục công việc còn lại để hoàn thành dự án.

c) Về công tác thanh tra, kiểm tra công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và lồng ghép với công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Trong quá trình kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hiện và kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những thiếu sót trong quá trình tham mưu, xử lý hồ sơ của cá nhân được giao qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai tại các địa phương.

2. Vấn đề nợ bảo hiểm xã hội và tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội

a) Việc chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, BHXH cho chủ sử dụng lao động và người lao động

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, BHXH cho chủ sử dụng lao động và người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chấp hành theo đúng quy định; triển khai, hướng dẫn thực hiện Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (sửa đổi), Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động, đổi mới

hình thức tuyên truyền, làm chuyển biến nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người lao động và người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả và thiết thực công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động trong các loại hình doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp, trực tiếp đến người lao động và người sử dụng lao động theo Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động, người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp" trên địa bàn tỉnh đến năm 2021 mà đặc biệt là Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Cần tập trung các hoạt động tuyên truyền, đối thoại với doanh nghiệp và người lao động về chính sách bảo hiểm xã hội.

Đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện cần xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng tuyên truyền viên ở cơ sở, trong đó đặc biệt quan tâm đến uy tín, tầm ảnh hưởng và mối quan hệ của cán bộ cơ sở ở thôn, tổ dân phố, các già làng, trưởng bản và các tổ chức hội, đoàn thể (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên…).

Thường xuyên đổi mới về nội dung và hình thức tuyên truyền để nâng cao tính hiệu quả trong tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền BHXH; thực hiện ký kết chương trình phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền hiệu quả; đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên tuyên truyền tại cơ sở để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; Kế hoạch số 240-KH/TU ngày 27/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị doanh nghiệp nợ tiền đóng BHXH

Những hành vi vi phạm pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT hiện nay rất đa dạng, việc phòng chống, ngăn ngừa vi phạm đòi hỏi phải có sự vào cuộc, phối hợp của các cấp chính quyền, các ban, ngành, tổ chức liên quan; tập trung vào các lĩnh vực: đối tượng đóng, mức đóng, phương thức đóng BHXH, BHTN; thanh tra, kiểm tra các đơn vị doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động kinh doanh, đăng ký thuế nhưng chưa đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động; xử lý các vi phạm hành chính về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

Nhìn chung, tình trạng trốn tránh nghĩa vụ đóng BHXH, BHTN, BHYT còn xảy ra phổ biến ở các doanh nghiệp, nhất là khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Không ít chủ doanh nghiệp chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT của người lao động để sử dụng không đúng mục đích vì vậy công tác thanh tra, kiểm tra thi hành pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT cần được tiếp tục tăng cường nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đối với chủ sử dụng lao động.

c) Rà soát, đánh giá công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, có giải pháp mở rộng đối tượng tham gia BHXH

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 10/12/2019 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH.

Phấn đấu đến cuối năm 2020, tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp chiếm ít nhất 95%. Đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện, tốc độ gia tăng đối tượng tham gia năm sau so với năm trước ít nhất bằng 30%. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền theo hướng đổi mới cả về nội dung và phương thức tiếp cận người tham gia, nghiên cứu các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng, phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo đài,... nhằm giúp người dân, doanh nghiệp hiểu được quyền và nghĩa vụ về BHXH và tự giác tham gia.

Tiếp tục tuyên truyền những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 28-NQ/TW; nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền phù hợp với đặc điểm, tính chất đặc thù của từng nhóm đối tượng, từng địa phương, nhất là nhóm đối tượng là nông dân, lao động khu vực phi chính thức; tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, liên tục các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về BHXH, BHYT, những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thắng lợi Nghị quyết; tăng cường tin, bài, định hướng dư luận, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện được hiệu quả, nhanh chóng đưa Nghị quyết mới của Đảng đi vào đời sống.

Thực hiện hiệu quả việc giải quyết các chế độ, chính sách BHXH cho đối tượng tham gia và thụ hưởng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ, gian lận, trục lợi BHXH, BHYT. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, ngành liên quan đề ra các biện pháp trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT cho các đối tượng có hiệu quả.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện giao dịch điện tử đạt 100%, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả các lĩnh vực BHXH, BHTN.

3. Công tác xử lý chất thải rắn, nước thải y tế tại một số Trung tâm y tế huyện miền núi

a) Đối với công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã

Toàn tỉnh có 06 Trung tâm Y tế huyện miền núi và 67 Trạm Y tế xã. Công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã được thực hiện như sau:

- Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế (lò đốt):

+ Trong 06 Trung tâm Y tế, có 04 Trung tâm Y tế đã được đầu tư lò đốt rác thải y tế, gồm: Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà, còn lại 02 Trung tâm y tế chưa có lò đốt: Sơn Tây và Cơ sở 2 huyện Trà Bồng.

+ 67 Trạm Y tế xã của 05 huyện chưa được đầu tư lò đốt, chủ yếu là sử dụng xăng, dầu đốt thủ công.

- Số lượng chất thải rắn y tế phát sinh hàng ngày tại Trung tâm Y tế:

TT	Loại chất thải y tế	Số lượng phát sinh (kg/ngày)
I	**Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	24
2	Chất thải y tế thông thường	76
II	**Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	30
2	Chất thải y tế thông thường	100
III	**Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	18
2	Chất thải y tế thông thường	60
IV	**Cơ sở 2 Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	14
2	Chất thải y tế thông thường	47
V	**Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	10
2	Chất thải y tế thông thường	34
VI	**Trung tâm Y tế huyện Minh Long**	
1	Chất thải y tế lây nhiễm	16
2	Chất thải y tế thông thường	54

Tại các Trạm Y tế: Bình quân phát sinh chất thải y tế lây nhiễm 0,3kg/ngày/Trạm, chất thải y tế thông thường 3kg/ngày/Trạm.

b) Đối với công tác quản lý nước thải y tế tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã

- Hệ thống xử lý nước thải y tế:

+ Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ được đầu tư năm 2013 từ nguồn vốn ADB của Dự án Hỗ trợ y tế vùng Duyên Hải Nam Trung bộ - Bộ Y tế, công suất khoảng 50m^3/ ngày. Hiện nay, hệ thống này có hiện tượng hư hỏng, xuống cấp nhưng đã được sửa chữa và vẫn đang hoạt động bình thường.

+ Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà được đầu tư được đầu tư năm 2005 từ nguồn vốn ADB, công suất khoảng 36 m^3/ ngày. Hiện nay, hệ thống này đang hoạt động bình thường.

+ Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng được đầu tư năm 2013 từ nguồn vốn ADB của Dự án Hỗ trợ y tế vùng Duyên Hải Nam Trung bộ - Bộ Y tế, công suất khoảng 100 m^3/ngày. Hiện nay, hệ thống này đang hoạt động bình thường.

+ Trung tâm Y tế huyện Minh Long được đầu tư năm 2011 từ nguồn vốn dự án xây dựng Trung tâm Y tế huyện Minh Long, công suất khoảng 30 m^3/ngày. Hiện nay, hệ thống này đang hoạt động bình thường.

+ Cơ sở 2 Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng và Sơn Tây chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế.

+ 67 Trạm Y tế xã của 05 huyện miền núi chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế.

- Số lượng (m^3/ngày) nước thải y tế phát sinh hàng ngày tại các Trung tâm Y tế huyện:

TT	Tên cơ sở y tế	Số lượng phát sinh (m^3/ngày)
1	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ	35
2	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	30
3	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	10
4	Cơ sở 2 Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	10
5	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	10
6	Trung tâm Y tế huyện Minh Long	10

- Công tác thu gom và phương pháp xử lý nước thải y tế tại cơ sở y tế

+ Đối với 04 Trung tâm Y tế huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải, tất cả nước thải sinh hoạt,

khám chữa bệnh tại các khoa, phòng của Trung tâm được đấu nối tập trung về hệ thống xử lý nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ Đối với 02 Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây và Cơ sở 2 huyện Trà Bồng chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế; nước thải sinh hoạt, khám chữa bệnh được đấu nối về hầm rút tự hoại tại các khoa, phòng của Trung tâm.

+ Ngoài ra, đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng như: Hóa chất rửa phim X-Quang tại Trung tâm sau khi thải ra được đựng trong các dụng cụ can nhựa có nắp đậy kín để thuê Công ty Cổ phần Cơ Điện Môi trường Lilama vận chuyển xử lý.

+ Đối với nước thải tại các Trạm Y tế xã chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế: Toàn bộ nước thải sinh hoạt, khám chữa bệnh đều dùng chung thông qua hệ thống hầm rút tự hoại của cơ sở. Điều này, không đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định, nguy cơ ô nhiễm môi trường là rất cao.

c) Kế hoạch, lộ trình xây dựng và cải tạo hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải y tế

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 về việc phê duyệt danh mục và việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường năm 2014 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trong đó, đã đề cập đến việc xây dựng và cải tạo hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn của 02 cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường là: Bệnh viện đa khoa huyện Tây Trà (nay là Cơ sở 2 Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng), Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tây (nay là Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây). Thời gian thực hiện hoàn thành xử lý từ năm 2015 đến 2020.

Ngày 24/12/2019 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1016/QĐ-UBND về việc phân bổ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2018 và kinh phí không thực hiện năm 2019 bố trí cho Sở Y tế 10 tỷ đồng để xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải y tế tại Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây. Hiện nay, hồ sơ đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định trình UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư, dự kiến đầu tháng 5/2020 sẽ trình UBND tỉnh.

Đối với xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải y tế tại Trung tâm Y tế huyện Tây Trà (nay là cơ sở 2 của Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng), yêu cầu Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tiếp tục tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Đối với việc ưu tiên hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế, sự nghiệp môi trường của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác cho công tác quản lý chất thải y tế *(trong đó bao gồm: bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống xử lý chất thải rắn y tế và hệ thống xử lý nước thải y tế đã được đầu tư nhưng đã hư hỏng, xuống cấp,...)*, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế thường xuyên kiểm tra công tác xử lý chất thải rắn, nước thải y tế đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải ra môi trường; yêu cầu Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các Trung tâm Y tế hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý chất thải y tế nguy hại để tiến hành xử lý khi chưa đầu tư lò đốt chất thải.

4. Về công tác thi hành án dân sự

UBND tỉnh đã chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn nghiêm túc thi hành đầy đủ các nghĩa vụ phải thi hành theo quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực đảm bảo thời gian và thông báo kết quả thi hành án cho Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp theo quy định của pháp luật. Thường xuyên tăng cường kiểm tra, xử lý trách nhiệm của những cá nhân, tổ chức chậm thi hành án, không chấp hành, chấp hành không đầy đủ, không đúng bản án có hiệu lực của Tòa án; đối với những bản án có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành phải khẩn trương có biện pháp giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến chỉ đạo, không để kéo dài; chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức kiện toàn Ban chỉ đạo thi hành án dân sự để thực hiện tốt chức năng tham mưu trong công tác thi hành án dân sự nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng Nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THntp138

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng